

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 - 2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên

Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1997 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Khổng Văn S, sinh năm 1992 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày: Chị và anh Khổng Văn Sơn kết hôn ngày 07/10/2016 trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh S, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị ở nhà chăm con nhưng anh S đi làm hàng tháng không đưa tiền nuôi con cho chị, chị nói đi làm thì anh S và gia đình nhà chồng không cho đi làm. Tháng 3/2022 chị đi làm công ty ở dưới V khi đi làm về thì chồng và gia đình nhà

chồng đuổi chị ra khỏi nhà và không cho chị bế con. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2022 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm, chị đến thăm con thì anh S và gia đình nhà anh S không cho thăm. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Khổng Minh L, sinh ngày 13/9/2018 và cháu Khổng Minh T, sinh ngày 04/11/2020, hiện nay các cháu đang ở với anh S. Ly hôn chị N đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Khổng Minh T, anh S nuôi cháu Khổng Minh L, hai bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau. Hiện nay chị N đang làm ở Công ty TNHH Partron Vina tại K, V, Vĩnh Phúc thu nhập hàng tháng là 9.000.000đ/tháng

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2023 và các lời khai tiếp theo bị đơn anh Khổng Văn Sơn trình bày: Anh S thống nhất về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm sống ly thân, thời điểm mâu thuẫn tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do lời ăn tiếng nói hàng ngày dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng cãi nhau chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh có nói chuyện và đón chị N về để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung, tuy nhiên chị N chỉ về được vài ngày rồi lại bỏ đi. Đến nay anh cũng xác định không còn tình cảm với chị N, chị N xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh S xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Khổng Minh L, sinh ngày 13/9/2018 và cháu Khổng Minh T, sinh ngày 04/11/2020, hiện nay các cháu đang ở với anh S. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai cháu và không đề nghị chị N phải đóng góp nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh S đang làm việc tại Công ty TNHH Chính xác Việt Nam 1 ở Khu Công nghiệp K, V, Vĩnh Phúc, thu nhập hàng tháng là 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Cho chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Khổng Văn S. Về con chung giao cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Khổng Minh

T; anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Không Minh L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về án phí, chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Triệu Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn anh Không Văn S có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện LT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh S là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N là do vợ chồng mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày về kinh tế, anh S đi làm không đưa tiền cho chị để nuôi con và không cho chị đi làm công ty, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh S cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, do lời ăn tiếng nói hàng ngày dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, tháng 02/2022 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ và bỏ lại hai con để anh nuôi, anh có khuyến bảo chị N về để nuôi dạy hai con, nhưng chị N chỉ về được vài ngày lại bỏ đi. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương và được biết chị N và anh S có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính nhau. Từ giữa năm 2022 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở và không thấy chị N sinh sống cùng anh S. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh S, anh S đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị N điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N đề nghị được ly hôn anh S là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị N và anh S có 02 con chung là cháu Không Minh L, sinh ngày 13/9/2018 và cháu Không Minh T, sinh ngày 04/11/2020. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh S. Ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Không Minh T, anh S nuôi dưỡng cháu Không Minh L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; Anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L và cháu T, không yêu cầu chị N phải đóng góp nuôi con chung cùng anh.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Nguyên vọng nuôi con của

chị N và anh S là chính đáng, chị N hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Partron Vina tại K, V, Vĩnh Phúc, anh S hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Chính xác Việt Nam 1 ở Khu Công nghiệp K, V, Vĩnh Phúc. Anh chị đều có thu nhập ổn định và đều có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...*”. Cháu T hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ, do vậy để đảm bảo lợi ích của cháu T theo quy định của pháp luật cần chấp nhận yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và giao cháu L cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị N và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị N, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Triệu Thị N được ly hôn anh Khổng Văn S.

2. Về con chung: Chị Triệu Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Khổng Minh T, sinh ngày 04/11/2020; anh Khổng Văn S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Khổng Minh L, sinh ngày 13/9/2018. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con mà chung không ai được cản trở.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Triệu Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006582 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân